

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TY
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương.
2. Ông Lưu Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 24-6-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 18-3-2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-5-2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 07-6-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1986. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KN, xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KN, xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2022 và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc H và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 31-10-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị T thường xuyên bỏ

về nhà bố mẹ đẻ mà không rõ lý do. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vì xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đảm bảo thời gian làm việc duy trì cuộc sống thu nhập để nuôi con nên anh H đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Trần Ngọc H và chị Bùi Thị T có một con chung là Trần Ngọc Duy A, sinh ngày 18-7-2012 hiện đang do anh H nuôi dưỡng và cháu A có nguyện vọng được chung sống với bố. Ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn chị Bùi Thị T không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai, đồng thời anh Trần Ngọc H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị T và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Ngọc H và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 31-10-2011. Sau khi kết hôn, theo anh H vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống chung của hai bên vợ chồng không còn hoà hợp. Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn chị T không đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Tòa án, như vậy chị T đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của mình. Đồng thời anh H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải do xác định tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn được. Dẫn đến hôn nhân giữa anh H, chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh Trần Ngọc H được ly hôn chị Bùi Thị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Trần Ngọc H và chị Bùi Thị T có một con chung là Trần Ngọc Duy A, sinh ngày 18-7-2012 hiện anh H vẫn đang chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu A

có nguyện vọng được ở với bố. Ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Đồng thời chị T không đến Toà án và không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện tinh thần và cuộc sống ổn định cần tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Duy A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy chị T vắng mặt tại Tòa án, anh H cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do chị T chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Anh Trần Ngọc H phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc H được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Duy A, sinh ngày 18-7-2012 cho anh Trần Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001836 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 17-3-2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã HK;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương